TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: **23**/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 18/10/2018.
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tu.
2. Bà Đào Thị Xê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài D- Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài D– Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Dxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/9/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **NTH**, sinh năm 1980;

HKTT: Thôn D, xã DT, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn***:** Anh **NMD,** sinh năm 1972;

HKTT: Thôn D, xã DT, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTH trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh NMD kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đức.

2.Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là NTTH, sinh ngày 19/4/2003 và NQH, sinh ngày 24/12/2008. Hiện nay cháu H và cháu Huy đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin được nuôi 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Dphải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải, Bản tự khai, quá trình tố tụng, bị là anh NMD trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hkết hôn với nhau ngày 08/01/2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hoà thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không còn hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Hxin ly hôn, anh đồng ý.

2. Về con chung***:*** Vợ chồng anh có 02 con chung là NTTH, sinh ngày 19/4/2003 và NQH, sinh ngày 24/12/2008. Khi ly hôn anh xin nuôi dưỡng cháu Huy và đồng ý giao cho chị H nuôi dưỡng cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Dphát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

* Ý kiến giải quyết vụ án:

Quá trình điều tra thu thập chứng cứ đã chứng minh được mâu thuẫn giữa chị Hvà anh Dtới mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét cho chị Hđược ly hôn anh Dlà phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Giao chị NTH trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là NTTH, sinh ngày 19/4/2003; NQH, sinh ngày 24/12/2008. Ghi nhận chị Hkhông yêu cầu anh Dphải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị NTH và anh NMD không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"*, anh NMD có HKTT tại xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh NMD đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa 2 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Dlà đúng quy định tại khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị NTH và anh NMD kết hôn ngày 08/01/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, chị Hkiên quyết xin ly hôn anh Đức, anh Dcũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên anh Dkhông nhất quán về quan điểm, lúc đồng ý ly hôn, lúc không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh Dkhông có pHán cải thiện quan hệ vợ chồng. Chị Hvà anh D đều thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, không cùng chung sức xây dựng hạnh phúc gia đình. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa

vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ tHyêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*. Như vậy hiện tại chị Hvà anh Dđều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Hvà anh Dđã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị Hđược ly hôn anh Dlà phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị NTH và anh NMD có 02 con chung là cháu NTTH, sinh ngày 19/4/2003 và cháu NQH, sinh ngày 24/12/2008. Khi ly hôn chị Hxin nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh Dxin nuôi dưỡng cháu NQH.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại các cháu H, Huy đang do chị Htrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có cuộc sống ổn định cùng chị Hương, các cháu đều có nguyện vọng muốn ở cùng với mẹ. Nên xét không cần thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung để đảm bảo sự phát triển bình thường, tránh xáo trộn tâm lý không cần thiết cho các cháu. Do đó, xét cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị Htrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị NTH và anh NMD không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị NTH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị NTH, cho chị NTH được ly hôn anh NMD.

2. Về con chung: Giao 02 cháu NTTH, sinh ngày 19/4/2003, NQH, sinh ngày 24/12/2008 cho chị NTH trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh NMD được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị NTH và anh NMD không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị NTH phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008232 ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị Hđã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã An Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã An Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải